

Kinh
Nhân Duyên

Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm

Kinh
Nhân Duyên

Tái bản lần thứ 4

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PL. 2563 – 2019

Tiểu Sử

Cố Đại Lão Sư Trưởng Hải Triều Âm

Sư trưởng pháp huy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, thế danh Nguyễn Thị Ni, sinh năm 1920 tại tỉnh Hà Đông, nay thuộc thủ đô Hà Nội.

Thân phụ là một công chức người Pháp, cụ ông Etienne Catallan. Thân mẫu là một y sĩ người Việt, cụ bà Nguyễn Thị Đắc. Vì thế Sư Trưởng còn có tên thế tục tiếng Pháp là Eugénie Catallan.

Thầy sanh trưởng trong gia đình nề nếp gia phong, được huân ướp một đời sống đạo đức, lễ nghi của người châu Á. Kiến thức văn hóa, trí tuệ sâu rộng từ trường học Tây phương. Thầy đã có một lối sống khuôn phép nhưng khoáng dãng, lịch sự nhưng cương trực.

Lấy xong bằng tốt nghiệp Diplôme D'étude Primaire Suprieur Thầy đi dạy học. Ngay khi còn tại gia, Thầy đã

biểu lộ lòng từ bi. Ngày ngày dạy học, ngoài thời giờ Thầy vào các bệnh viện, trại mồ côi, dưỡng lão để giúp đỡ an ủi động viên những mảnh đời bất hạnh.

Cơ duyên được biết Phật pháp là do Sư cụ Thích Tuệ Nhuận. Bài pháp đầu tiên được nghe Sư cụ giảng tại chùa Quán Sứ là kinh Lăng Nghiêm, phẩm Quán Âm Quảng Trần và chương Đại Thế Chí niệm Phật. Lãnh hội được sự vi diệu của Phật pháp đem lại niềm an vui cho mọi người. Sau đó, Thầy thường in những cuốn kinh nhỏ phát cho các Phật tử tới chùa tụng kinh hằng ngày.

Quy y với Hòa-thượng Pháp chủ đương thời là ngài Thích Mật Ứng, được Ngài đặt cho pháp danh là Hải Triều Âm.

Thầy sáng lập gia đình Phật tử, mở các hội trường lão, thanh thiếu niên, nhi đồng ở Hà Nội, Hải Phòng. Ngoài ra Thầy còn viết bài cho tòa báo Bồ Đề của Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, dưới bút hiệu là Thích Nữ Cát Tường Lan. Các bài pháp rất thực tế, đưa Phật pháp vào tư tưởng thanh thiếu niên trong thời đại giao thoa giữa Nho giáo và Tây học ở những năm cuối của thập niên 40, thế kỷ XX.

Năm 29 tuổi, thâm ngộ lẽ vô thường, phước thiện thế gian không thể đưa đến giải thoát. Thầy xuất gia với Hòa-thượng Thích Đức Nhuận, ở Hà Nội (*Người sau này là đức Đệ Nhất Pháp Chủ GHPGVN*). Hòa-thượng cho y chỉ và thọ giới với Hòa-thượng Ni Tịnh Uyển, chùa Thanh Xuân, làng Phùng Khoang, Hà Nội.

Đến năm 1952, vâng lời Hòa-thượng Bổn Sư di cư vào Nam. Nhập chúng tại Ni trường Dược Sư, Gia Định, Sài Gòn. Vừa lo tu học, vừa hầu mẹ già bị bệnh bán thân, vừa lãnh việc chuyên giảng dạy cho Phật tử. Thầy tinh trì giới luật, nghe kinh Kim Cang lãnh ngộ được tông chỉ niệm Phật. Thầy tu quán Tứ Niệm Xứ để khai tuệ giác tỉnh, sở đắc về bộ kinh Lăng Nghiêm để khai tri kiến Phật.

Khoảng năm 1962, sau khi mẹ mất, vì muốn báo hiếu công ơn mẹ, Thầy nhập thất 5 năm ở chùa Vạn Đức, Thủ Đức, Sài Gòn. Những mong nhập Niệm Phật tam muội.

Năm 1968, Hòa-thượng Thích Thiên Tâm khai mở tông Tịnh-độ ở thôn Phú An, Đức Trọng, Lâm Đồng. Mời Thầy về để cùng một số Ni chúng thành lập xã Hoa Sen, noi gương Tổ Huệ Viễn. Nơi đây, Thầy nhập thất tại tịnh thất Linh Quang, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 1970, Hòa-thượng Thích Thanh Từ mở lớp tu thiền 3 năm ở Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu. Thầy là một trong 10 vị khóa đầu được Hòa-thượng chiêu sinh. Thầy theo khóa học thiền để hỗ trợ cho công hạnh tu Tịnh-độ. Sau thời gian tu tập, Thầy ngộ được tôn chỉ “Tri vọng vọng tan, chính là quán hạnh Tứ Niệm Xứ”.

Năm 1973, Thầy trở về Tịnh thất Linh Quang, Lâm Đồng nối tiếp công phu tu niệm.

Nhưng từ hoài bi nguyện độ sanh không bỏ, Thầy bắt đầu độ chúng, lúc đó chỉ có vài chục người. Đến nay đã thành lập 9 chùa Ni Liên, Linh Quang, Liên Hoa, Viên Thông, Hương Sen, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Bát Nhã và Dược Sư 2. Dù các căn cơ, già trẻ, lớn bé cho đến người tàn tật, trẻ mồ côi Thầy đều đưa tay tế độ, mong họ được kết duyên với Phật pháp. Phật tử quy y thì không biết bao nhiêu mà kể.

Mặc dù giác biết chúng sanh huyền có, vẫn dùng pháp huyền để độ chúng sanh. Ngày ngày lên lớp giảng dạy, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, lời lẽ uyên bác, chỉ mặt phải, răn mặt trái. Nhắc đi nhắc lại, cặn kẽ từng lời, mong sao cho các con thấm nhuần kinh pháp. Lời giảng dạy của Thầy ai nghe cũng thấy đúng với tâm

trạng của mình, hợp thời, hợp cơ, giản dị dễ hiểu, lại rất thực tế.

Đối với đại chúng, Thầy khiêm cung, giản dị, từ hòa. Nhưng nghiêm khắc đưa đại chúng vào khuôn khổ giới luật, nội quy. Sửa trị những xấu ác, nhưng bao dung những lỗi lầm chỉ cốt cho đại chúng thành những bậc pháp khí trong Phật pháp. Thầy một lòng lo cho đại chúng, từ tinh thần đến vật chất, hy sinh sức khỏe thời giờ, tận tình từ đời sống tạm thời đến rồi đi, tới đời sống đạo vị lợi ích vĩnh viễn trong kiếp tương lai. Suốt ngày trọn đêm không giờ phút nào Thầy ngơi nghỉ trong bốn phận tự giác giác tha.

Tám gương vô ngã vị tha của Thầy, không lời lẽ nào kể hết được. Hạnh đức của Thầy đã gieo vào tâm thức chúng con những ấn tượng khó phai. Lúc Thầy ở Chùa Liên Hoa, Bình Thạnh, TPHCM, học chúng đổ về học pháp rất nhiều, không đủ chỗ, Thầy sửa lại phòng tắm làm chỗ nghỉ cho mình, nhường phòng mình làm chỗ ở cho đại chúng. Còn nhớ những ngày đông giá rét ở xứ lạnh cao nguyên, ai ai cũng co ro lo tìm sự an ổn cho mình. Riêng Thầy, áo mền ấm áp nhường tất cả cho các con, ráp những tấm vải thô vừa nặng vừa chẳng đủ ấm làm phần của mình.

Thầy đàn hậu lai trí kém tuệ ít, Thầy toát yếu lại những bộ kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Luật Tỳ-kheo-ni v.v... lời văn giản dị, xác thực dễ học chúng dễ nắm được yếu chỉ của kinh luật. Mắt đeo kính, dưới ánh đèn dầu, Thầy miệt mài đọc sách dịch kinh. Từng bộ kinh Hán văn dày cộm đầy những chữ với bộ óc tuổi già thật mỏi nhọc, Thầy vẫn hết sức cố gắng cặm cụi dịch sang Việt ngữ để đàn hậu lai có sách học tập. Thầy đã biên dịch, biên soạn, toát yếu hơn 100 đầu sách và in ấn không biết bao nhiêu mà kể. Mỗi một cuốn sách viết ra Thầy không để tên mình bao giờ, mà lấy tên của các đệ tử đặt vào sách (*sau này khi tái bản, chúng con đã mạn phép ghi tên Tôn Sư vào sách*). Ấn tống các kinh Di Đà, Phổ Môn, Dược Sư gửi khắp Bắc Trung Nam, để các Phật tử có kinh tiếng Việt. Mang bệnh giệt cơ trên đầu mấy chục năm nhưng chưa từng vì đó mà nghỉ ngơi. Năm 1983, vì muốn làm cuốn Hai Cánh Nhà Ni cho các Tỳ-kheo-ni mới thọ giới nắm vững giới điều, Thầy đã thức suốt cả tháng.

Một lòng tôn kính Phật Pháp Tăng, gặp bất cứ hình tượng Phật nào Thầy đều thành kính đảnh lễ. Tận tình học pháp, nghiên cứu pháp, truyền bá giáo pháp, cả đời Thầy nêu cao tấm gương vì pháp quên thân. Đối với

Tăng Ni, Thầy khiêm cung, kính trọng, dạy hàng đệ tử chúng con suốt đời phải thực hành Bát Kính Pháp. Dạy chúng con nếp sống lục hòa, trên kính dưới nhường, lấy Giới Định Tuệ làm sự nghiệp chính của mình.

Thầy thường răn nhắc chị em phải tinh tấn tu hành để đền ơn thí chủ. Đời sống giản dị, tiết kiệm từng hạt gạo, tấm vải. Thường răn dạy chúng con không được phung phí vật dụng Tam-bảo, phải biết yêu tiếc như giữ tròn con mắt. Thầy kiệm đức kiệm phước trong từng hành động, 70 tuổi vẫn tự giặt áo, giặt mùng, không phiền nhọc một người hầu hạ. Mãi đến 80 tuổi, Phật sự đa đoan, tuổi già mỗi nhọc, Thầy mới cho hàng đệ tử chúng con trợ giúp. Đến khi già lão, thân suy yếu lại bệnh nhưng chưa bao giờ Thầy hiện tướng mỏi nhọc buồn phiền, gặp ai cũng nở nụ cười từ ái. Ai đến gần Thầy đều cảm nhận được sự mát mẻ từ bi, tất cả bao phiền não đều tiêu tan.

Bởi vì thấu đạt được chân lý “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nên con sâu cái kiến, hàm linh bào thực, các loài chúng sanh, đã có duyên với Thầy đều được thừa hưởng ân đức Thầy ban bố, được thấm nhuần pháp vị. Lòng từ bi của Thầy không chỉ nhân loại được hưởng mà thấm nhuần đến từng cỏ cây, loài vật. Với

chúng sanh, đói Thầy cho ăn, khát Thầy cho uống, rét Thầy cho áo mặc, niệm Phật để nó kết duyên với Phật pháp từ đời này đến đời sau. Thầy răn dạy chúng con “đó chính là những huynh đệ chúng ta từ kiếp trước, chỉ vì một chút lỗi lầm phải đọa làm thân chó, nên các con phải tận tình thương xót”.

Xếp đặt cho các con trong hiện tại đã đủ mọi bề khó khăn, lại còn lo mai này, Thầy về cõi Phật, các con nương tựa vào đâu? Thầy làm chùa, xây dựng cho hậu lai nơi ăn chốn ở. Nhưng thế sự vô thường, không bền chắc, chỉ có Phật pháp mới là nơi nương tựa vững vàng nhất. Thầy vì đàn hậu lai mở ra một đường lối tu hành rõ ràng. Năm 1988, Thầy viết một bài Di Chúc, để lại cho đàn hậu lai chúng con. Đó vừa là lời dặn dò, vừa là con đường tu hành của bản thân Thầy và cũng là kim chỉ nam chỉ lối đưa đường cho đàn hậu lai chúng con trên bước đường tu học.



Qua bao thăng trầm thế sự, Thầy vẫn như núi kia bất động trước cảnh đời dâu bể, vẫn cúi xuống tận lực đùm bọc che chở, nuôi dưỡng thánh chủng cho hàng đệ tử chúng con. Sức an định của Thầy như núi cao bất động trước phong ba của tám gió. Trí tuệ của Thầy như trăng

sáng chiếu soi, phá tan bao hắc ám của đời sanh tử. Dù nói bao nhiêu cũng không đủ lời để tán dương hạnh đức Tôn sư.

Năm 2009 ngày 6 tháng 7 âm lịch, Thầy để lại bút tích như sau:

*Ký ca ký cốp
Đóng góp nên công
Nhẹ như lông hồng
Bay về Cực Lạc.
Hào quang sáng quắc
Vẫy gọi muôn phương
Cái bướm con mèo
Trời người muôn loại.
Mau mau tỉnh giấc
Thoát xác vô minh
Giải nghiệp hữu tình
Lên đường giải thoát.*

Bốn năm sau ngày Sư trưởng để lại bút tích. Mừng 4 tháng 4 năm Quý Tỵ (13/5/2013) là ngày Vía đức Văn Thù Bồ-tát, cũng là ngày Kỷ niệm xuất gia lần thứ 64 của Thầy, một vầng hào quang rực rỡ xuất hiện trên đỉnh tháp khoảng từ 8 đến 12 giờ trưa.

Trước ngày vãng sanh, Thầy cho biết đã nhìn thấy đức A Di Đà, đức Văn Thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát cùng các thánh chúng đến đón.

11 giờ 56 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2013 (*nhằm ngày 24 tháng 6 năm Quý Tỵ*): Thầy thu thần thị tịch, hoa sen trắng thẳng vãng trời Tây. Thượng thọ 94 tuế thế, 60 hạ lạc.

Thí chủ xây Kim Quang tháp cúng dường tại Ni viện Dược Sư, Đức Trọng, Lâm Đồng, nơi an nghỉ cuối cùng của nhục thân trần thế.

*Thần thức lên miền An Dưỡng,
Nghệp chương bỏ lại trần lao.
Hoa khai chín phẩm sen vàng,
Phật rử nhất thừa thọ ký.*

Trong suốt những ngày tang lễ đều có vầng hào quang xuất hiện trên đỉnh tháp, dưới sự chứng kiến của những người tham dự.

Liên tiếp các ngày tuần thất cho đến tuần chung thất, cũng đều có hào quang xuất hiện và mây ngũ sắc trên bầu trời.

Sư trưởng đã thị hiện vô thường, để lại niềm nuối tiếc khôn nguôi cho hàng trăm, hàng ngàn đệ tử xuất gia và tại gia trên khắp thế giới.

Chúng con mạo muội viết lên ít dòng để nêu lên một phần nào công hạnh của Tôn sư, mong rằng những người hữu duyên được mônng ân pháp vũ.

Nam mô Kim Quang tháp, Tào Động phái, pháp hứy Hải Triều Âm, tự Đại Thành, hiệu Bác Tế Từ Hòa, Đại lão Sư trưởng giác linh.

Chùa Dược Sư, ngày 7-7-2014

*Trân trọng kính ghi
đền ơn pháp nhũ*





Lời Nói Đầu

Kính thưa quý vị,

*Đồi thông cây thấp cây cao,
Căn cơ nhân loại khác nào như thông.*

Vì thế trong chuyến hành hương ngày 07-11-1993 tức ngày 24-9 Quý Dậu, đoàn chúng tôi được thăm viếng, chiêm bái nhiều ngôi Tam-bảo và được gội nhuần bao thời pháp. Tuy nhiên, thời pháp của Sư Bà Hải Triều Âm ở chùa Linh Quang là bài pháp mà quý Phật tử trong đoàn cảm nhận sâu xa nhất, làm tươi nhuần bao tâm hồn héo hắt (bởi trải bao năm tháng tranh đua với thế trần).

Hoàng hôn khuất dạng bên đồi, nhưng âm vang pháp nữ vẫn còn vang mãi trong mỗi tâm thức của Phật tử đã thấm nhuần mưa pháp.

Với lý do đó, nên một số Phật tử mạo muội ghi lại thành tập sách nhỏ này qua cuốn băng ghi âm (sau khi đã thỉnh ý Sư Bà sửa đôi phần trùng lặp của văn nói và Sư Bà bỏ khuyết những điều cần thiết). Để giúp toàn thể quý vị tiện việc nghiên cứu, làm hành trang lên đường học đạo cần phải chiếu lại bản tâm thanh tịnh của mình.

Xin quý vị đọc giả hoan hỷ và kính chúc quý vị đắc thành sở nguyện.

PL.2537 - 1993

Pháp Vân Tịnh Thất

Tỳ-kheo Thích Pháp Quang

Kinh Nhân Duyên

(Viết phỏng theo)

Đức Thế Tôn ngự tại thành Vương Xá, trong vườn Trúc Lâm.

Ngài Mục Liên đại thần thông thấy rõ những cảnh khổ ở địa ngục và ngã quỷ, bao nhiêu vị trời hết tuổi thọ đọa ba đường ác. Ngài hằng kể cho tứ chúng nghe để sách tấn. Ai có bạn đồng tu hay môn đệ bất mãn với đời sống đạo hạnh, thường đem đến để Ngài khuyên nhủ. Ngài đã dạy dỗ và đưa nhiều người đến đạo quả.

Đức Thế Tôn dạy: Cao Tăng Mục Liên không thể ở khắp mọi nơi cùng một lúc để nhắc nhở các Phật tử. Vậy từ nay ở trước cửa

mỗi chùa nên vẽ bánh xe luân hồi. Phải cử một Tỳ-kheo đủ khả năng để giải thích cho khách vãng lai.

Trước hết viết lời khuyến cáo:

** Hãy gom tâm chăm chú vào giáo pháp Như Lai.*

** Hãy chiến thắng thân chết!*

** Sống đúng giới luật, luôn luôn giác tỉnh, kiên trì cố gắng, có thể chấm dứt khổ đau.*

LỜI GIẢNG:

I/ Ở giữa là vòng phiến não.

Trung tâm vẽ một con bồ câu tượng trưng lòng tham ái, một con rắn tượng trưng lòng sân hận và một con heo tượng trưng sự ngu si. Ba con vật này cắn đuôi nhau chạy vòng trên một nền xanh da trời.

Màu xanh da trời là màu của hư không. Vì tham sân si tuy là gốc luân hồi, là tạo

hóa an bài vũ trụ, nhưng thật thể nó hư vọng. Chỉ cần tỉnh giác là nó tan ngay. Ba con thú nối đuôi nhau hàm ý ba độc mật thiết dính liền nhau. Vì si mới tham. Tham bị chướng ngại liền sân. Ba con vật này không ngừng hoạt động trong tâm của phàm phu. Người ngu si ít quan tâm đến sự sạch sẽ của tâm hồn, nên ví với con heo, thân thể nặng nề, màu da xám tối.

Mỗi khi chúng ta giận là con rắn nổi lên. Ta bảo: “Tôi giận lắm, tôi không chịu được”. Thế là ta nhận con rắn là mình, nhận cái nghiệp sân si là mình. Mỗi khi tham, ta nói: “Tôi thích cái này lắm v.v...”, thế là ta nhận con bồ câu là mình. Còn hàng ngày tính toán suy nghĩ chuyện yêu, ghét, mừng, giận v.v..., đó là con heo nó đang hiện hình. Chúng ta nuôi nó ngày đêm ở trong tâm, ngày đêm nó kích thích chúng ta tạo nghiệp để cảm quả báo sâu đau luân hồi. Nhưng đức Phật thấy ba con vật

này không thật, nó là những vọng tưởng, chỉ cần tỉnh ra là nó hết. Cái vòng luân hồi đấng cay, cái biển trầm luân này, khổ nhiều quá! Một trận mưa, đức Phật biết là bao nhiêu giọt. Nhưng cái khổ của sáu đạo luân hồi, Phật đếm không nổi, nên Ngài gọi tổng quát là biển khổ, biển trầm luân. Vì tham quá mà không được, có người đâm đi trộm cướp, lừa đảo. Nhưng nếu sống gần bạn lành, gần thiện tri thức có lời khuyên can giảng dạy mà hiểu ra thì hết tham. Khi ta tức giận la hét v.v..., nếu có người vỗ vai bảo: “Sao lại vậy, cô tu mà..”, mình liền hết giận. Cho nên đó là cái không có mà chúng ta nhận là mình, chúng ta tạo nghiệp. Lồng mình vào nó, khiến cho nó dựa vào mình mà bốc lên, kéo dài. Nếu tỉnh ra thì nó thành không. Hễ vâng theo Phật thì ra khỏi luân hồi, còn cứ nuôi ba con vật này ở trong tâm thì chúng ta xây

dựng, bồi đắp mãi cảnh trầm luân không biết bao giờ mới cạn.

Nhân loại mênh mông, mà số Phật tử hiếm lắm! Hiếm lắm những người đặc biệt muốn ra khỏi vòng lửa đỏ này! Quý vị nên đoái thương những người chưa biết lối ra mà cố gắng hoằng dương Phật pháp.

II/ Vòng “ngiệp” có 2 phần:

1. Trên nền trắng vẽ 4 người đang đi lên: Một Tỳ-kheo cầm đèn soi đường cho một nữ tu sĩ, một Ưu-bà-tắc, một Ưu-bà-di. Bốn nhân vật này là hình ảnh của những người đi vào ánh sáng.

2. Trên nền đen vẽ 3 người trần truồng (không biết hổ thẹn), nằm nghiêng ngả (ác nghiệp là ngã té). Đây là những kẻ đáng thương đi vào tăm tối. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v... Nghiệp đen là hành động của thú tánh, nên đưa về cảnh thú.

Phật dạy: Từ cõi thú trở về cõi người khó hơn rùa mù tìm được bông cây trong biển cả.

Quý vị được học Phật pháp đã biết thế nào là thiện ác. Thí dụ một giới sát sanh. Trì ngũ giới, chúng ta không sát sanh.

Mỗi gia đình tại gia chúng ta, có một cái đĩa ngọc ở trong nhà. Quý cô bàn tay trắng muốt móng sơn đỏ, trông mặt đẹp như tiên. Nhưng bữa cơm sáng cô chặt đầu cá, moi ruột nó ra. Cảnh róc vẩy cá cũng như cảnh quỷ sứ lột da chúng sanh. Buổi trưa làm bát canh cua, quý vị xé cua bỏ vào cối giã. Trong hình đây cũng vẽ cảnh quỷ sứ giã chúng sanh. Buổi tối quý vị ăn ốc, luộc sống con người ta ở trên bếp. Rõ ràng là quỷ sứ cho chúng sanh vào vạc dầu. Buổi sáng làm quỷ sứ, buổi trưa làm quỷ sứ, buổi tối làm quỷ sứ. Cái đĩa ngọc của quý vị từ đầu tháng đến cuối tháng, không ngày nào tha thứ chúng sanh. Từ đầu năm

đến cuối năm, quý vị cứ làm quỹ sứ. Trẻ làm quỹ sứ để lo hầu chồng, hầu con, già lại làm quỹ sứ hầu cháu, hầu chất, lo vừa lòng những bữa cỗ trong gia đình.

Con cá, con gà v.v... nó cũng thở bằng mũi, ăn bằng miệng, cũng hai lá phổi, cũng nhìn bằng mắt, nghe bằng tai, cũng da bọc thịt, thịt bọc xương, cũng một lá gan như mình, mà sao mình lại cứa cổ nó, cướp da cướp thịt nó để nuôi miệng mình? Ác mà không biết là ác! Đãi khách có gà có vịt lấy làm sang quý cho rằng phải thế mới đủ trân trọng. Như vậy trọn đời làm quỹ sứ, mà lúc lâm chung quý vị mời chúng Tăng đến gõ mõ độ nửa giờ để đưa quý vị về Cực Lạc, quý vị nghĩ có dễ không?

Còn trong lúc giao thiệp buôn bán, mình xoay sở đối trá cầu lợi quá đáng, thành ra mình vẫn mặc áo đẹp, vẫn nhung vẫn gấm, mà vẫn ăn cắp. Rõ ràng mình cũng tự biết, nhưng cho thế là khôn, là tài.

Vì thế chỉ khi nào có chư Tăng dẫn đường, quý vị mới đi trên con đường trắng, tạo những nghiệp lành. Phật không bắt chúng ta làm những điều khó. Chỉ cần đừng làm ác là lành rồi. Không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối v.v... đó là lành rồi. Đi trên đường trắng, quý vị được về cõi trời, người. Nếu cứ sát sanh, trộm cắp, dối láo, hai lưỡi, nói lời độc ác, những thói xấu là ở trong vòng đen, trần truồng không biết hổ thẹn, sai quấy mà không tự biết.

Những người ngã đây là đi về đọa lạc.

III/Ngoài nữa là vòng quả báo, chia làm 5 cảnh:

1. TRỜI:

a) Dục giới còn sống bằng ngũ trần, nên còn phải trả giá là chịu sự tranh chấp của A-tu-la.

b) **Sắc giới + Vô sắc giới toàn hưởng vui thiên định.**

2. **NGƯỜI** được mô tả bằng 4 khổ: sanh, già, bệnh, chết. Nhưng cõi người có Phật pháp, ai có duyên được ánh sáng của 7 bông sen (7 giác chi) đưa ra khỏi vòng luân hồi, lên xe bát chánh đạo về Niết-bàn.

3. **QUỶ**: Dòng sông đối với họ nếu không là máu mủ thì cũng khô cạn toàn cát nóng. Có ngã quỷ, tuy chìm trong nước cả ngàn năm mà không sao hớp được một ngụm cho đỡ khát. Có ngã quỷ bụng bằng cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, đói khát cùng cực mà không thể thọ dụng thức ăn. Có ngã quỷ ăn được, nhưng thức ăn vào bụng biến thành gươm đao. Đây là vì xưa kia bôn sển không ưa bố thí, hoặc đã bố thí với tâm ác độc.

4. **BÀNG SANH**: Sống đọa đày, chết đấng cay. Tranh vẽ kên kên nuốt môi, thợ săn

bắn chim, con ong vùong vẫy trong lưới nhện, sư tử quật xé một con nai. Trên cạn trâu kéo cày, ngựa kéo xe, dưới nước cá lớn nuốt cá bé.

5. *ĐỊA NGỤC*: Quỷ sứ bắt ép tội nhân phải nuốt những hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi. Trong suốt máu nóng, tội nhân chịu hầm xương thịt. Những con sâu to tướng xúm tới đục khoét ruột gan. Những kẻ tà dâm phải ôm cột đồng nóng bỏng, nằm giường chông sắt nhọn hoắt. Những kẻ ham đá gà, chọi trâu bị vẽ treo trên cây hoặc trói vào cọc, chim mỏ cứng tranh nhau mổ rả.

Những đau khổ của địa ngục kéo dài kiếp này sang kiếp khác. Cho nên cần phải tận tình khuyên bảo thế gian biết tránh 10 tập nhân:

- 1) Dâm dục.
- 2) Tham của.

- 3) **Khinh mạn.**
- 4) **Sân giận.**
- 5) **Giả dối.**
- 6) **Lừa gạt.**
- 7) **Hiềm oán.**
- 8) **Ác kiến.**
- 9) **Vu vạ.**
- 10) **Che giấu lỗi mình, bới lỗi kẻ khác.**

Kinh Vu Lan, bà Thanh Đề, mẹ ngài Mục Kiền Liên cầm bát cơm, bát cơm rõ ràng nhưng do nghiệp cảm khiến bát cơm hóa lửa. Quý mỗi khi muốn ăn miệng thường phục lửa. Đức Phật không cho Tăng Ni ăn chiều, vì tối là giờ ăn của quý. Quý nghe tiếng bát đũa, thấy sự ăn uống, vì thèm khát, miệng lại bốc lửa cháy.

Còn bàng sanh, thí dụ con trâu, sớm chiều chịu nắng mưa quần quật làm việc, buổi tối về gọi là nghỉ, chủ đưa vào chuồng,

là chỗ toàn phân tiểu của chính nó. Chủ cần tích trữ phân và nước tiểu để bón ruộng - chỗ có phân, tiểu thì nhiều muối và côn trùng. Thế là suốt đêm trâu phải quần quật với muối mòng mà không có tay để xua đuổi. Sáng ra lại đi cày với nắng mưa cực nhọc. Đến khi đau ốm, không làm việc được thì chủ vội vàng làm thịt, nếu không, họ sẽ mất một vốn lớn. Quý vị thử nghĩ, suốt một đời như thế liệu tinh thần nó có thanh thoi để đi lên không? Nên đức Phật dạy: Được thân người, phải bảo vệ thân để tu học mà cầu đi ra khỏi luân hồi. Nếu không giữ giới luật kỹ lưỡng thì đầu thai làm loài trâu, bò, ngựa v.v... Khi chúng kéo xe, người ta để kim trên đầu roi, chỉ đánh nhẹ một cái, là chúng bị kim đâm đau chết điếng... Con chó, con mèo trông xinh xinh, quý vị vuốt ve nó, đâu ngờ trong thân nó có hàng trăm con bọ chét đang hút máu. Quý vị bị một con bọ vào người

một lúc đã khó chịu, mà nó chịu như thế trọn đời. Cho nên đọa lạc thương tâm lắm.

So với địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh thì cõi người là cõi thiện, cõi vui, sung sướng. Xét cảnh con người so với những loài trên thì quả tình chúng ta có phúc lớn lắm. Nhưng cũng như loài vật chúng ta sanh ra từ bụng mẹ. Ở trong tử cung mẹ, hút máu tanh như bần, lấy máu tanh làm chỗ ở và thức ăn. Chung quanh là những vòng ruột đựng phân như thối. Lại thêm bọt nước tiểu khai. Những thứ này tắm trong nước nhớt khắm để lúc đi lại, bị cọ sát không đau. Chúng ta đã chọn một chỗ khai khắm thối nhất, đáng chán nhất, làm chỗ bắt đầu cái thân. Ra khỏi bụng mẹ, miệng chưa biết nói, đau chỉ biết khóc, có chân mà không đi được. Lúc nhỏ khổ như vậy, mà lớn lên quên hết. Tranh đấu cho cuộc sống thật cực nhọc. Nhưng rồi thân nó lại già, lại bệnh. Thân này làm bằng

cơm gạo, thì dĩ nhiên về già móm răng báo hiệu sửa soạn đem trả cơm gạo về cho đất. Chết là cái chấm cuối cùng. Nhưng đâu có cuối cùng, tinh thần không tỉnh, lại đi vào bào thai, để lại ở bụng mẹ ra gọi là sanh. Rồi bỏ vào quan tài gọi là tử. Cứ thế nối tiếp gọi là sanh tử luân hồi, khi ở cõi trời, khi cõi người, khi địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh. Như thế vẫn xoay mãi trong 3 vòng HOẶC, NGHIỆP, KHỔ đã từ lịch kiếp.

Bức tranh 5 khổ phải viết thêm câu kết:

Anh đang sống trong vòng quay tròn của bánh xe luân hồi. Đầu tóc anh bị cháy, anh vội vàng dập tắt lửa thế nào, thì việc vội vàng ra khỏi luân hồi cũng cần như thế. Ái dục là gốc khổ đau. Dập tắt ngay ái dục.

Như trên là 3 vòng Hoặc Nghiệp Khổ.

Nói rộng là vòng xúc xích nhân duyên

- 12 khoen.

1- VÔ MINH: Được trình bày bằng hình ảnh một bà già mù chống gậy đi trong rừng xương (xương sống, xương sườn chúng ta đã xả bỏ từ bao kiếp luân hồi).

Người có trí tuệ (mắt sáng) thấy rõ thân này, mượn ở cơm gạo nên thế nào cũng phải tới ngày trả về cho đất, vì gạo từ đất mọc lên. Ai nhớ tỉnh sẽ thương người xấu ác mê dại, xót xa không chấp, tha thứ khoan dung, từ bi hỷ xả. Không tỉnh, chấp ngã, mê cho thân này là ta thật, ai động đến liền giận hờn. Có khi người ta nói tận đâu đâu cũng vợ lấy mà tức tối, tạo nghiệp.

Con đường toàn xương này chúng ta đã đi từ vô thủy. Bao giờ biết chán? Đức Phật xót thương những ai chưa tỉnh, còn dăm dăm trước mắt chuyện gà, chuyện rắn. Tham lam, giận hờn cả ngày, đâu có thời giờ để nhận ra mình là bà già mù đi trong rừng xương. Thế là vô minh. Vô minh

duyên hành nghĩa là vì không sáng nên có những hành động sai quấy.

2- HÀNH: Thọ gồm đang nắm chiếc bình (hãy cẩn thận, chính thân miệng ý hiện tại đang tô điểm, hoặc bóp méo tương lai của chúng ta). **Nắm khéo thì bình đẹp, cuộc đời mai sau sẽ đẹp, nếu vụng cuộc đời sau sẽ thảm hại đáng thương. Hành vi hiện tại đem quả báo kiếp sau (hành duyên thức).**

3- THỨC: Con khỉ nhảy từ cành này sang cành khác. Cây cũ đã khô cằn, cây mới trĩu đầy trái. Có thể là quả lành, có thể là quả độc (thần thức theo nghiệp đi đầu thai để đền ơn hoặc trả oán, hưởng phước hoặc chịu tội). **Thức duyên danh sắc.**

4- DANH SẮC (danh: tâm, sắc: thể xác): **Chính những yêu ghét mừng giận của chúng ta hằng ngày sẽ đưa chúng ta đi đầu thai, như con khỉ theo nghiệp leo trèo lên xuống. Phật gọi bào thai là danh sắc. Phật**

dạy vẽ sắc, hình một cái thuyền đang chở 4 thùng đồ vật (đất, nước, gió, lửa). Vọng thân như thuyền đang trôi trên dòng sông sanh tử. Vọng tâm là danh, người chèo lái con thuyền. Có danh sắc nên có sáu căn.

5- LỤC NHẬP: Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý (bào thai hoàn mãn thân người, ra khỏi bụng mẹ). Sáu trần sẽ từ sáu căn đi thẳng vào tâm. Phật dạy vẽ một căn nhà có sáu cửa.

6- XÚC: Căn và trần xúc chạm (nặng nề nhất là tình nam nữ). Do đó có thọ.

7- THỌ: Chúng sanh cho thọ là vui, càng thọ nhiều càng tốt. Phật dạy cả 3 thọ (khổ thọ, lạc thọ, si thọ) đều khổ. Bởi vì thọ vui tăng trưởng lòng tham, lún sâu thêm vào biển vô minh, khó nghĩ tới sự ngóc đầu ra. Phật dạy vẽ sự xúc thọ này, một người bị mũi tên độc bắn vào mắt. Nếu là người khôn thì rút mũi tên vứt đi. Nhưng chúng ta cứ cầm mũi tên ấy, tự đâm vào mình từ

sáng đến chiều, ngày này sang ngày khác. Nếu có ai hỏi đến lại đem mũi tên đâm người ta nữa. Thí dụ có người nói lời độc ác với tôi, đó là mũi tên qua tai cắm vào tim tôi. Tôi rất đau rồi nhưng không chịu quên, cứ nhớ tới nhớ lui để tự khổ. Đó là tôi tự đâm tôi. Lại gọi người thân đến để kể cho họ nghe, thế là lại lấy mũi tên đâm họ nữa. Cứ như vậy cho mình là phải.

Chỉ bậc Thánh nhân xả thọ mới tìm được sự thanh lương, an ổn tinh thần.

8- **Ái**: Như người say rượu, tay cầm một chai, trên bàn còn mấy chai nữa (khát khao thọ cảm, vẫn vô tận ở trong lòng muôn thú. Ái dục ngọt ngào khiến càng say sưa). **Mặt trái của ái là ó, là ghét**. Khi ghét không phải mình xả đi đâu, mà càng nhớ nên càng mê si. Cho nên cái yêu cái ghét ngang nhau, đều đưa đến khổ. Càng mê càng khổ, càng khổ càng mê, cứ như thế đi đến vô cùng.

9- **THỦ**: Có ái nên muốn thủ. Hình vẽ người đang cố vươn mình lên để hái trái (như trên đã nói, có thể là quả lành, có thể là quả độc). Trong tâm đã có thủ chấp, quyết định yêu hay ghét nên hăng hái tạo nghiệp.

10- **HỮU**: Hình vẽ một thiếu phụ mang thai. Tạo nghiệp là gieo vào tàng thức một nhân để ngày mai có quả báo trong luân hồi. Ở cõi người, trời, địa ngục, quỷ, súc sanh v.v... để rồi lại sanh, già, bệnh, chết. Tất cả đặng cay cứ thế nối tiếp.

11- **SANH**: Vẽ đứa trẻ sơ sanh. Đã có thân hình ắt có sợ hãi, có già bệnh. Đây là một ổ phiền não. Đây là nguồn gốc của tất cả khổ đau.

12- **LÃO TỬ** (già chết): Trong khi già bệnh vẫn ngậm vô minh để rồi lại chuyển vần đủ 12 vòng. Cứ thế xoay quanh mãi mãi, thành vòng tròn không có đầu đuôi,

làm nhân làm quả lẫn nhau không cùng không tận.

Toàn bánh xe luân hồi quay trong lửa vô thường. Từ địa ngục đến thiên đường đều nằm trong móng vuốt của quỷ vô thường. Phật dạy vẽ quỷ vô thường có 3 mắt, vì chính vô thường đã đánh thức các Thánh xuất thế. Con mắt thứ 3 là mắt Thánh.

Xưa Ấn Độ và vừa qua Tây Tạng, vẽ gà trống đỏ thay cho bồ câu trắng. Có lẽ vì màu đỏ của gà dễ liên tưởng đến lửa tham, nung nấu những ai ôm ấp nó.

Hai pháp có thể hiểu biết, phải thông suốt là Danh và Sắc.

Hai pháp có thể hiểu biết, phải tận trừ là Vô minh và Ái dục.

Hai pháp có thể hiểu biết, phải thực tập là Giới và Định.

Hai pháp có thể hiểu biết, phải chứng ngộ là Giải thoát và Trí tuệ.

Có nhiều phương pháp để ra khỏi cái xúc xích 12 khoen này. Đạo Phật có 10 tông phái. Thông thường chúng ta biết có 2 là Thiên và Tịnh. Bên Thiên, các bậc thượng căn tự soi, tự nhận chân tâm bốn tánh của mình, để giải thoát vô minh.

Bên Tịnh, chuyên niệm Nam mô A Di Đà Phật, cầu về Tịnh-độ.

Nam mô là tiếng Ấn Độ. Hán dịch là quy y. Nghĩa là quay về nương tựa.

A DI ĐÀ cũng là tiếng Ấn Độ. Hán dịch là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức.

Vô lượng: không thể đo lường. Quang: sáng.

Mặt trời mọc ánh sáng tung bừng. Mặt trời lặn, thế gian tối đen. Thắp đèn được chút ánh sáng. Tắt đèn lại trở về tối. Đây là sáng của lửa, có công năng hiển vật.

Còn thấy được vật là phải do tánh sáng của chúng ta.

Em bé học bài chóng thuộc, giải đáp lanh lẹ các toán pháp, được khen “cháu sáng lắm”. Đây là tánh sáng tinh thần, không hình không tướng, nhưng công dụng rõ ràng. Nhờ tánh sáng này, chúng ta thấy, chúng ta nghe, chúng ta nói, chúng ta đi lại, thổi cơm, quét nhà, biết phải trái. Khác với núi sông, cây cối, gạch đá. Nhà chùa gọi tánh sáng này là tánh Phật.

Phật vô lượng quang. Chúng ta quang có vô lượng không? Đức Thích Ca, khi thành đạo dưới gốc Bồ-đề, câu nói đầu tiên là: “Lạ lắm thay! Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ tánh đức Như Lai”. Nghĩa là chúng ta cũng vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức như Phật.

Chúng ta thử nghĩ xem. Mỗi khi đau ốm, ta tới bác sĩ. Bác sĩ bảo ta đau gan rồi

cho thuốc uống. Chúng ta khỏi bệnh. Như vậy ông bác sĩ giỏi quá, đứng ngoài mà biết rõ cơ thể chúng ta. Có phép lạ khiến chúng ta hết đau đớn, được mạnh khỏe. Nhưng nếu từ hồi nhỏ chúng ta lập chí làm bác sĩ, chúng ta siêng năng học những gì ông bác sĩ đã học, thì ngày nay hẳn chúng ta đã nghiệm nhiên là bác sĩ cứu dân độ thế như tất cả các bác sĩ. Như vậy là ở mỗi chúng ta đều có ông bác sĩ. Bởi vì chúng ta có tánh quang, tánh linh sáng. Nên nếu chăm học quyết thành bác sĩ, chăm tu quyết thành Phật. Như người có hạt mít, đem vun trồng, quyết định sẽ có trái mít.

Còn Vô Lượng Thọ?

Năm nay chúng ta 25 tuổi, 60 tuổi. Hãy xét lại xem có thật không. Chúng ta từ bụng mẹ ra. Sao bụng mẹ lại có ta, để từ đó ta ra?

Hư không có hai tướng, không sáng thì tối. Tánh linh quang không tỉnh thì mê. Tánh linh quang mê muội theo nghiệp vào tử cung mẹ, hút máu ở trong đó. Kết làm thịt xương thành bào thai. Các cụ thường nói: “Quý sứ cho ăn cháo lú”. Quý sứ là nghiệp lực. Cháo lú là thứ máu này. Kinh dạy: Bồ-tát thọ thân cách ấm còn mê, hưởng chi người thường.

Mẹ ăn cơm uống nước mới có máu cho con. Đứa trẻ ra khỏi bụng mẹ, tự ăn cơm uống nước, tự chế tạo ra máu để nuôi lớn thịt xương. Thân thể chúng ta từ đỉnh đầu đến gót chân toàn làm bằng cơm. Cơm có từ gạo. Gạo có từ thóc. Cây lúa hút những chất ở đất đưa lên, kết thành hạt thóc.

Vậy thì 25 tuổi là 25 năm ta mượn đất làm thân. Sáu mươi tuổi là tuổi của cái thân bằng đất. Vì là vật đi mượn nên chỉ có thể dùng tạm một thời gian rồi phải trả. Tuổi già báo hiệu thân này sửa soạn đem

chôn. Nó sẽ tan rữa mủn tàn thành đất, bởi vì nó là đất.

Tánh linh quang của chúng ta đã có từ trước khi theo nghiệp vào tử cung mẹ. Nó không phải cùng sanh với thân này. Nó là tánh chân thật của chúng ta, không phải của vay mượn nên không phải trả cho ai. Tánh linh quang không sanh không diệt, gọi là vô lượng thọ.

Đức Phật A Di Đà xót thương chúng ta đồng thể với Ngài mà không tự biết, cứ một bề đi theo đường mê. Ngài phát nguyện ai chịu về với Ngài thì ngài sẽ tiếp dẫn tới cảnh giới an ổn, để đủ duyên giác tỉnh dần dần cho tới ngày thành Phật.

Muốn về với ngài, chúng ta chỉ cần chuyên niệm Nam mô A Di Đà Phật để nhớ đến đức Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức, đương giúp sức cho chúng ta thoát khổ luân hồi sanh tử.

Trong khi niệm Phật, ta hằng nhớ nhờ tánh linh quang chỉ huy, cái miệng mới biết nói. Vậy miệng này là miệng Phật, chớ đi đường mê nữa, chớ nói dối, hai lưỡi, thêu dệt, độc ác nữa. Từ nay, xứng tánh chỉ nói lời Phật, chỉ nói những lời hòa nhã chân thật, những lời phước đức trí tuệ.

Thân cử động được là nhờ tánh linh quang chỉ huy. Vậy chớ đi đường mê nữa. Không sát sanh, trộm cắp, tà dâm nữa. Từ nay xứng tánh bố thí, trì giới, thiên định v.v...

Ý nghiệp bản chất đã là vô lượng quang thì từ nay xứng tánh tu tập từ bi hỷ xả. Không nuôi ba con vật tham sân si nữa.

Cứ như vậy mãi mãi, ba nghiệp thân miệng ý chuyển thành Vô Biên Công Đức.

Tánh thể của chúng ta rõ ràng là Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Công Đức. Chúng ta lãng quên, cứ cam

phận làm chúng sanh, đi mãi con đường sanh tử. Nay được đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giác tỉnh và dạy pháp môn giải thoát, vừa tầm khả năng của chúng ta. Trông mong chúng ta mỗi bước mỗi bước lên tòa sen, ngõ hầu trên đền bốn ân, dưới cứu khổ muôn loài.

Nói tóm lại, chúng ta cần cố gắng ít nhất giữ đủ năm giới và hàng ngày thường chuyên tâm niệm Phật. Như thế hiện tại chúng ta chân thật xứng đáng với danh nghĩa Phật tử vì ba nghiệp hằng thanh tịnh.

Lúc lâm chung gọi là ngày đại hạn. Vị nào tu theo đạo Phật cũng biết rằng có vay có trả. Nhưng lúc bấy giờ da thịt xương nó hành mình khổ lắm. Mình đã trót quỵện vào nó rồi, bây giờ rời ra không phải dễ. Còn cái tánh linh quang của chúng ta, quý vị có muốn trở lại bụng má để hút máu như xưa không? Để tiếp nối mãi mãi bốn

khổ sanh, già, bệnh, chết, luân hồi đường cũ nữa không?

Nếu chúng ta nguyện ra khỏi thì đó là chúng ta đã đáp đúng bản hoài của Phật. Đạo Phật chủ trương đủ nhân duyên thì việc gì cũng thành. Nhân của chúng ta là tánh Phật, là vô lượng quang. Duyên chính là Phật A Di Đà. Ta niệm Nam mô A Di Đà Phật. Kinh nghiệm ai cũng biết: Cái cây đã ngã về phương nào thì khi bật gốc nó sẽ ngã về phương ấy. Hàng ngày tâm ta đã hướng về Phật A Di Đà thì khi lâm chung, hẵn tánh linh quang sẽ theo Phật về cảnh giới của Ngài. Tại đại học đường An Lạc, các vị Bồ-tát sẽ dạy dỗ chúng ta tu hành để thành Hiền, thành Thánh, Bồ-tát, Phật. Chúng ta sẽ cùng các Ngài đi tiếp dẫn tất cả chúng sanh ra khỏi luân hồi sanh tử. Vậy từ nay cái miệng này không nói lời thô ác nữa, miệng này chỉ nói lời như hoa như hương. Như thế ta có Vô Lượng Công

Đức về miệng. Thân này không làm ác mà làm thiện thì thân có Vô Lượng Công Đức. Còn tâm không phiền giận oán hờn, từ nay theo Phật từ bi hỷ xả. Như vậy tâm có Vô Lượng Công Đức. Rõ ràng chúng ta có khả năng theo Phật để làm Hiền Thánh, để đền ơn đáp nghĩa ông bà cha mẹ tổ tiên. Cha mẹ ông bà tổ tiên chúng ta, giờ này các ngài đang ở phương nào? Quý vị thử nghĩ xem: Đứa con quý vị đang xoa đầu ôm ấp đây, quý vị có muốn ngày mai nó đi làm gà, vịt, trâu, bò không? Cho nên bốn phận chúng ta là phải cố gắng. Còn con sâu cái kiến muôn loài vạn vật đang trông đợi chúng ta.

Cầu nguyện quý vị, mỗi bước mỗi bước lên tòa sen, mỗi bước mỗi bước đi về cõi An Lạc thơm ngát. Đích thân chúng ta phải kinh nghiệm cái việc giác tỉnh và giải thoát này.

Thầy Pháp Quang đáp từ:

Nam mô A Di Đà Phật.

Sư Bà kính!

Hôm nay đoàn hành hương thành phố, do quý Phật tử Diệu Giác, Diệu Viên, Diệu Phúc, Diệu Phước tổ chức. Tôi Tỳ-kheo Thích Pháp Quang xin đại diện cho đoàn, hướng dẫn quý Phật tử đến đây lễ Phật, cúng dường Tam-bảo, thăm Sư Bà cùng toàn thể đại chúng. Xin chúc Sư Bà tứ đại điều hòa, tuệ đặng thường chiếu, để tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức.

Mặc dầu đây là lần đầu tiên diện kiến Sư Bà. Nhưng tôi thiết nghĩ: Sư Bà là một loài cây quý trong rừng cây che mát cho mọi người nương tựa. Trong những con đường gập ghềnh, hiểm trở, Sư Bà lại có con đường bằng phẳng thân thang cho mọi người đến nơi an lành. Tuy tuổi

già sức yếu, nhưng với hạnh nguyện tự độ, độ tha, trên đền đáp bốn ân, dưới cứu độ muôn loài. Sư Bà không từ mệt nhọc đã tận tâm dẫn dắt quý Phật tử qua một thời pháp quý giá. Xin Sư Bà hoan hỷ cho quý Phật tử đánh lễ cúng dường tam bái.

Nam mô A Di Đà Phật.



HẢI TRIỀU ÂM TOÀN TẬP

* **ĐÃ XUẤT BẢN:**

1. KINH A HÀM TOÁT YẾU.
2. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM.
3. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM GIẢNG NGHĨA – PHẦN SAMATHA.
4. LĂNG NGHIÊM TOÁT YẾU, LĂNG NGHIÊM CHÍNH MẠCH.
5. KINH TỨ NIỆM XỨ.
6. TỨ NIỆM XỨ GIẢNG NGHĨA.
7. KINH NHÂN DUYÊN.
8. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG, DI GIÁO, KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM VĂN .
9. PHẬT HỌC ĐỨC DỤC.
10. ĐẠO TRÀNG BÁT NHÃ.
11. KINH KIM CANG.
12. BỐN MÙA HOA GIÁC.
13. LÀM CHÙA.
14. CHẶN TRÂU.
15. TƯ QUY TẬP.
16. TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHỊ.
17. NIỆM PHẬT THẬP YẾU.
18. KHUYẾN PHÓNG SANH.
19. RẪN SÁT SANH.
20. LUẬT HỌC.
21. LUẬT TRỪNG TRỊ.
22. LUẬT HỌC CƯƠNG YẾU, LUẬT TU XUẤT GIA.
23. BỒ TÁT GIỚI.
24. GIỚI BỔN TỀ-KHEO-NI.
25. GIỚI BỔN BỒ TÁT GIỚI.
26. DI CHÚC.
27. NHỮNG LÁ THƯ THẦY.

28. PHÁP BẢO.
29. KINH NHẬT TỤNG.
30. HẠNH AN VUI.

*** ĐÃ TÁI BẢN:**

1. SỐNG CHẾT BÌNH AN.
2. KINH DƯỢC SƯ.
3. KHÓA LỄ TỊNH ĐỘ.
4. KINH PHỔ MÔN, SÁM HỐI HỒNG DANH, HỒNG DANH BẢO SÁM.
5. THẦN CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM.
6. KINH VU LAN.
7. HAI CÁNH NHÀ NI.
8. LUẬT THỨC XOA.
9. LUẬT SADINI.
10. TAM QUY NGŨ GIỚI.
11. CĂN BẢN PHẬT PHÁP.
12. CĂN BẢN ĐẠO LỘ.

*** SẼ XUẤT BẢN:**

1. SÁM NGUYỆT TỊNH ĐỘ.
2. HƯƠNG TRÂM.
3. KINH PHẠM VÔNG.
4. TỖ NI HƯƠNG NHŨ.
5. VÀI SUY NGẪM.
6. BÁT NHÃ BA LA MẬT.
7. QUY NGUYÊN TRỰC CHỈ.
8. DI ĐÀ YẾU GIẢI TOÁT YẾU.
9. KHAI THỊ.
10. PHỔ MÔN GIẢNG LỤC.

(Còn tiếp sẽ xuất bản sau...)

KINH NHÂN DUYÊN

Tỳ Kheo Ni Hải Triều Âm

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập: **Nguyễn Thị Huệ**

Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Sửa bản in: **Tỳ-kheo-ni Bảo Giác**

Đơn vị liên kết:

Chùa Dược Sư

Địa chỉ:

Thôn Phú An, xã Phú Hội,

huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng in: 5.000 bản, khổ
14,5x20,5cm. In tại: 774 Trường Chinh,
P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số ĐKXB:
1756-2019/CXBIPH/10-65/TG. Mã
ISBN: 978-604-61-6327-5. QĐXB:
247/QĐ-NXBTG ngày 24/6/2019. In
xong và nộp lưu chiểu năm 2019.